

Bản án số: 108/2024/HS-ST
Ngày: 09-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận,

Ông Sùng A Xà.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Nhữ Thị Thanh Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 110/2024/QĐXXST-HS ngày 26/8/2024 và Quyết định bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 110a/2024/QĐXXST-HS, ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Lò Văn N, sinh ngày 18/02/1997, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản S, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn V, sinh năm 1975 và bà Lò Thị T, sinh năm 1978. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

(1). Anh Lò Hồng T1, sinh năm 2005; địa chỉ cư trú: tổ A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(2). Anh Lò Văn Q, sinh năm 2005; địa chỉ cư trú: bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang bị tạm giam tại Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt.

(3). Anh Lò Văn T2, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(4). Anh Lò Quốc A, sinh ngày 04/8/2007; địa chỉ cư trú: bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Lò Quốc A: bà Lò Thị T3, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(5). Anh Lường Văn D, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(6). Anh Lò Văn T4, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(7). Anh Phùng Đình T5, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: thôn V, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(8). Chị Lò Thị N1, sinh ngày 16/01/2005; địa chỉ cư trú: bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(9). Chị Quàng Thị H, sinh ngày 09/11/2005; địa chỉ cư trú: bản S, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(10). Anh Lò Khun C, sinh ngày 09/11/2005; địa chỉ cư trú: tổ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

Người đại diện hợp pháp của anh Lò Khun C: ông Lò Mai S, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ 01, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại anh Lò Quốc A, Lò Hồng T1, Lò Văn T2, Lường Văn D: ông Tạ Ngọc V, sinh năm 1982, là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Tạ V và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: số H Hồ N, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Dương Thị S, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ C, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

- Bà Lò Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng:

- Ông Lò Văn B, sinh năm 1978, địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bà Lò Thị T6, sinh năm 1986, bản Huổi Xa, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Bà Lò Thị T7, sinh năm 1988, địa chỉ: bản S, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Ông Lò Mai S1, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lò Văn N có chị họ tên Lò Thị M thường xuyên sang Lào cư trú và làm quán S4 tại khách sạn D1, thành phố U, tỉnh Udomxay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Khoảng tháng 12 năm 2022, bị cáo N gặp và quen biết với một người đàn ông người Trung Quốc giới thiệu tên P (không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của P); P giới thiệu với bị cáo N hiện nay đang làm cho Công ty G tại đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào cho số điện thoại 0209923*** để liên lạc. Sau đó P bảo bị cáo N tìm người Việt Nam đưa sang Lào làm công ty game cho P, P sẽ trả tiền từ 5.000 đến 7.000 Nhân dân tệ/01 người, bị cáo N đồng ý. Sau khi về Việt Nam, bị cáo N tìm những người thân, quen rủ sang Lào; bị cáo đưa ra thông tin gian dối là làm công ty game do bị cáo N đang quản lý bên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/tháng nhằm lấy lòng tin của các bị hại, lừa gạt các bị hại tự nguyện theo bị cáo sang Lào sau đó giao người cho P để nhận tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng đầu tháng 4 năm 2023, bị cáo Lò Văn N nói chuyện với anh Lò Hồng T1 (là họ hàng của bị cáo) và anh Lò Văn Q (là bạn của T1) rủ sang Lào làm công ty game cho bị cáo N với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/tháng, sau nhiều lần nói chuyện anh T1 và anh Q đồng ý. Bị cáo N hướng dẫn anh T1 và anh Q đến Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh tỉnh Điện Biên để làm hộ chiếu. Sau khi anh T1, anh Q nhận được hộ chiếu, ngày 11/4/2023, bị cáo N thuê xe khách đưa anh T1 xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế T, tỉnh Điện Biên sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; khi đến thành phố U, tỉnh Udomxay, Lào, bị cáo N đưa anh T1 vào nghỉ tại khách sạn D1. Ngày hôm sau, bị cáo N đưa anh T1 đến tỉnh Luông Pha Bang, Lào chơi tết té nước, hai đến ba ngày sau bị cáo N bảo anh T1 nhắn tin cho anh Lò Văn Q để rủ sang Lào, anh Q đồng ý và nhờ bị cáo N đặt vé xe khách đi từ Điện Biên sang Lào. Ngày 15/4/2023, anh Lò Văn Q xuất cảnh qua Cửa khẩu Quốc tế T sang Lào, khi đến thành phố U, bị cáo N nhờ chị Lò Thị M ra đón anh Q đưa về khách sạn D1 nghỉ và bảo khi nào chị M lên đặc khu kinh tế tam giác vàng thì đưa anh Q lên giúp bị cáo N. Chơi ở Luông Pha Bang được 2 đến 3 ngày, bị cáo N đưa anh T1 đến đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào vào một nhà nghỉ gần cổng đặc khu kinh tế tam giác vàng gặp chị M và anh Q. Bị cáo N hẹn người đàn ông Trung Quốc tên P ra phòng nghỉ hỏi anh T1, anh Q có đi làm cho P không, anh T1, anh Q đồng ý; P hẹn 01 tuần sau sẽ ra đón anh T1, anh Q vào đặc khu làm việc và đưa cho bị cáo N 1.000 Nhân dân tệ để hỗ trợ tiền ăn, nghỉ trong thời gian chờ P đón. Khoảng 01 tuần sau, P gọi cho bị cáo N để đưa người vào đặc khu, bị cáo N nhờ người yêu của chị M là người Trung Quốc tên "Đ" chở anh T1 và anh Q vào cổng đặc khu giao cho P. Đến ngày hôm sau, P hẹn bị cáo

N ra cổng đặc khu, P đưa cho bị cáo N 5.000 Nhân dân tệ, tương đương với 17.133.450 đồng (*Mười bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*) theo tỷ giá tại thời điểm đó để trả công cho bị cáo N đã đưa anh T1 và anh Q sang Lào; P nói thêm do công ty chưa có việc gì giao cho anh T1 và anh Q làm nên số tiền không nhiều như thỏa thuận, sau này sẽ trả thêm. Bị cáo Lò Văn N đã chi tiêu cá nhân hết toàn bộ số tiền nhận được. Đến ngày 01/5/2023, bị cáo N nhập cảnh về Việt Nam, khoảng 01 tháng sau, anh T1 và anh Q gọi điện thoại, nhắn tin nói với bị cáo N là vào làm trong công ty lừa đảo, không phải công ty game như N nói, anh T1 và anh Q bị thu hộ chiếu, bắt ép làm việc theo doanh thu, nếu không làm sẽ bị bán cho Công ty khác nên bảo bị cáo N đưa về Việt Nam; bị cáo N nói với anh T1 và anh Q cố gắng làm hết 6 tháng rồi về, nếu chưa làm hết 6 tháng mà phá hợp đồng phải đền tiền và không được tiết lộ công việc hiện tại đang làm, nếu tiết lộ ra ngoài mà công ty biết thì sẽ bị phạt gấp 10 lần tiền lương.

Lần thứ hai: khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2023, bị cáo Lò Văn N tiếp tục rủ anh rể họ là Lò Văn T2, em rể họ là Lò Văn T4, Lương Văn D là người quen sang Lào làm công ty game cho N với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/ tháng; các anh T2, T4, D đồng ý; anh T2 rủ thêm Lò Quốc A, sinh năm 2007 đi cùng. Sau khi chuẩn bị đầy đủ hộ chiếu, vào ngày 08 tháng 8 năm 2023, bị cáo Lò Văn N đưa 04 người này xuất cảnh qua cửa khẩu T, tỉnh Điện Biên đến đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Keo, Lào. Tại đây, bị cáo Lò Văn N giao anh T2, anh T4 cho người đàn ông Trung Quốc tên P để nhận được số tiền 14.000 (*Mười bốn nghìn*) Nhân dân tệ. Sau đó, bị cáo N giao anh D, anh Quốc A cho một người đàn ông người Trung Quốc khác (người này do P giới thiệu, N không biết tên, tuổi, địa chỉ), ông ta đồng ý trả cho bị cáo N 5.000 (*Năm nghìn*) Nhân dân tệ đối với anh D, đối với anh Quốc A do chưa đủ 18 tuổi nên ông ta hẹn khi nào anh Quốc A làm được việc thì sẽ trả tiền sau (cho đến khi bị bắt bị cáo N chưa nhận được khoản tiền này). Tổng số tiền bị cáo N nhận được từ việc chuyển giao 3 người anh T2, anh T4, anh D là 19.000 (*Mười chín nghìn*) Nhân dân tệ, tương đương với 62.887.150 đồng (*Sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng*) theo tỷ giá thời điểm đó. Sau khi trừ chi phí đi lại hết khoảng 9.000 Nhân dân tệ còn lại 10.000 Nhân dân tệ, bị cáo N mang về Việt Nam và đến cửa hàng V thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đổi được 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), chủ cửa hàng V2 chuyển số tiền này vào số tài khoản 9338883155 mang tên Lò Văn N của ngân hàng V3. Bị cáo Lò Văn N đã chi tiêu cá nhân hết toàn bộ số tiền.

Lần thứ ba: bằng thủ đoạn tương tự như lần 1 và 2 đến cuối tháng 10 năm 2023, bị cáo Lò Văn N nhắn tin, gọi điện thoại cho em họ là chị Quàng Thị H và chị Lò Thị N1, anh Phùng Đình T5 rủ sang Lào làm việc. Sau khi các chị H, N1 và anh T5 làm xong hộ chiếu, ngày 19 tháng 10 năm 2023, bị cáo Lò Văn N trực tiếp đưa chị H, chị N1 và anh T5 xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế T, tỉnh Điện Biên đến đặc khu kinh tế tam giác vàng tỉnh Bò Keo, Lào. Tại đây, bị cáo N đã giao chị H, chị N1, anh T5 cho P và nhận được 15.000 (*Mười lăm nghìn*) Nhân

dân tề, tương đương với 49.479.750 đồng (*Bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo tỷ giá thời điểm đó. Vào thời điểm này, anh Lò Văn T2 thường xuyên ốm đau, không làm được việc nên thúc giục bị cáo N đưa về Việt Nam, vì vậy bị cáo N đã dùng 15.000 Nhân dân tề có được do chuyển giao chị H, chị N1 và anh T5 bù thêm 4.500 Nhân dân tề trả cho P và đón được anh T2 về Việt Nam.

Lần thứ tư: khoảng tháng 11 năm 2023, với thủ đoạn tương tự những lần trước, ngày 24/11/2023, bị cáo Lò Văn N đưa anh Lò Khun C, sinh năm 2007 sang Lào để chuyển giao cho P. Khi đi anh C có đưa người yêu đi cùng, bị cáo N không quen biết người này; bị cáo N đưa anh C đến đặc khu giao cho P rồi về Việt Nam, còn người yêu anh C có đi theo không thì bị cáo không biết. Trước khi đưa anh C sang, bị cáo N đã trao đổi với P: do C chưa đủ 18 tuổi nên cứ cho thử việc trước nếu làm được thì mới trả tiền, còn không thì để cho C tự về và bị cáo N sẽ không lấy tiền. Sau khi anh C sang làm được khoảng 02 tuần thì anh C bảo với bị cáo không muốn làm việc ở Lào nữa, bị cáo N gọi điện bảo P trả lại hộ chiếu cho anh C để C về Việt Nam, P đồng ý. Sau khi có hộ chiếu anh C tự bắt xe khách về Việt Nam, bị cáo N không được hưởng lợi ích gì từ việc này.

Tại bản Kết luận giám định số: 803/KL-KTHS, ngày 17/5/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: trích xuất, phục hồi toàn bộ dữ liệu, lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, Messenger, Wechat, lịch sử duyệt Web, tài liệu, hình ảnh, video, âm thanh lưu trữ trong 03 (ba) điện thoại di động của Lò Văn N gửi giám định. Trong kết luận giám định không còn thể hiện nội dung trao đổi giữa Lò Văn N với các bị hại và đối tượng người Trung Quốc tên P.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 29/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn N về tội "*Mua bán người*" theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn N đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội Mua bán người, áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 14 năm đến 15 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám để sung vào ngân sách nhà nước; trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lò Văn N phải nộp 129.500.350 đồng là tiền do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách nhà nước. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: các bị hại Lò Văn Q, Lò Hồng T1, Lò Văn T2, Lường Văn D, Phùng Đình T5 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh Lò Văn T4 do không có cơ sở. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại Lò Hồng T1 trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Lò Văn N là anh họ của anh T1, N nói chuyện đang mở một công ty game ở Lào, làm cùng người Trung Quốc, N rủ sang Lào làm cùng để được nhiều tiền, nếu không thích thì N đưa về, anh T1 đồng ý. Sau khi làm xong hộ chiếu, tháng 4/2023, N đưa anh T1 đi xe khách xuất cảnh qua cửa khẩu T sang Lào. Ngày 28/4/2023, N nhờ người Trung Quốc là người yêu của chị Lò Thị M đưa anh T1 và anh Lò Văn Q đến cổng đặc khu kinh tế tam giác vàng, ở đó có một người đàn ông Trung Quốc đón vào làm việc tại đặc khu kinh tế tam giác vàng, sau đó anh mới biết là bị N bán vào làm việc tại công ty lừa đảo trên mạng với giá 10.000 tệ. Làm việc tại đây, đến tháng 01/2024, anh T9, cùng Lò Quốc A, Lường Văn D rủ nhau trốn ra khỏi công ty, anh T1 đã đưa cho N số tiền 15 triệu đồng để N làm hộ chiếu về Việt Nam; đến ngày 30/01/2024 anh T9 về đến Việt Nam; anh T1 không yêu cầu N phải bồi thường gì.

Bị hại Lò Văn Q trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: anh Q quen Lò Văn N khi học cùng trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Điện Biên; sau đó N rủ anh Q sang bên Lào làm thuê với mức lương từ 15 triệu đến 18 triệu đồng/tháng, anh hỏi sang bên đó làm gì thì N bảo làm ở quán của N, anh đồng ý. Ngày 14/4/2023, N thuê xe khách cho anh Q xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế T sang Lào, đến ngày 28/4/2023, N đưa anh Q và Lò Hồng T1 cho một người đàn ông Trung Quốc đưa vào đặc khu kinh tế tam giác vàng để làm việc. Sau đó anh Q biết là bị lừa làm việc cho một công ty lừa đảo trên mạng. Anh Q bảo N đưa mình về thì N nói nếu về ngay thì phải nộp tiền cho công ty. Anh Q nộp số tiền 62.000.000 đồng cho công ty và họ trả hộ chiếu cho anh về Việt Nam. Anh đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị hại Lò Văn T2 trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Lò Văn N là em họ bên vợ của anh T2; cuối tháng 7/2023, N rủ anh T2 đi làm ở một công ty game ở bên Lào, lương và thưởng từ 15 triệu đồng đến 16 triệu đồng/tháng, anh đồng ý. Ngày 08/8/2023, N đưa anh T2 cùng Lò Quốc A, Lò Văn T4 và Lường Văn D xuất cảnh qua cửa khẩu T sang Lào, đến đặc khu kinh tế tam giác vàng thì N giao anh và Lò Văn T4 cho một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên tuổi địa chỉ đưa vào đặc khu kinh tế tam giác vàng để làm việc, sau đó anh mới biết bị N lừa bán vào đây với giá 7.000 nhân dân tệ để làm việc lừa đảo trên mạng. Làm việc đến cuối tháng 10/2023, một người đàn ông Trung Quốc bảo

anh hay ốm đau nên đã cho anh về Việt Nam. Anh T2 đề nghị xử lý bị cáo N theo quy định của pháp luật, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị hại Lò Quốc A trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: khoảng tháng 7/2023, Lò Văn T2 rủ anh Lò Quốc A sang Lào làm công ty game cùng anh T2 với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/ tháng. Ngày 08/8/2023, anh Lò Quốc A đi cùng anh Lò Văn T2 ra xe do Lò Văn N đặt và đón; trên xe có anh Lương Văn D và anh Lò Văn T4 cùng xuất cảnh qua cửa khẩu T sang Lào. Đến đặc khu kinh tế tam giác vàng thì N giao anh và anh Lương Văn D cho một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên tuổi địa chỉ đưa vào đặc khu kinh tế tam giác vàng để làm việc, sau này anh biết bị N lừa bán vào đây để làm việc lừa đảo trên mạng. Làm việc đến tháng 01/2024, anh Quốc A cùng anh Lương Văn D, anh Lò Hồng T1 rủ nhau trốn khỏi công ty, sau đó liên lạc với N để nhờ N đưa về Việt Nam. N nói phải có tiền làm hộ chiếu và tiền xe đưa về, anh liên lạc với mẹ ruột là bà Lò Thị T3, bà T3 đã chuyển khoản cho Lò Văn N tổng cộng 16,3 triệu đồng để làm hộ chiếu và tiền vé xe về Việt Nam. Anh Lò Quốc A và bà Lò Thị T3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị hại Phùng Đình T5 trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 10/2023, N rủ anh T5 sang Lào làm công ty game với mức lương 12 triệu đồng/tháng, anh T5 đồng ý. Ngày 19/10/2023, N anh T5 cùng Quảng Thị H, Lò Thị N1 xuất cảnh qua T14 đến đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào. Khi đến nơi, anh T5, chị H và chị T1 bị người Trung Quốc thu hộ chiếu và bị giao công việc là lừa đảo qua mạng. Sau này, anh biết là bị N lừa bán sang làm việc lừa đảo. Đến tháng 01/2024, anh được Công an Lào giải cứu, trao trả về Việt Nam; anh yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Bị hại Lương Văn D trình bày tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa: anh D quen Lò Văn N quen nhau qua Lò Văn Q từ khoảng năm 2021 khi đang học tại trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Điện Biên. Khoảng tháng 7/2023, Lò Văn N rủ anh D sang Lào làm công ty game với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/ tháng, anh đồng ý. Ngày 08/8/2023, Lò Văn N đưa anh cùng 3 người (Lò Văn T2, Lò Văn T4, Lò Quốc A) xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế T14 đến đặc khu kinh tế tam giác vàng tỉnh Bò Kẹo, Lào. Sau đó, N bán anh D và Lò Quốc A cho một người đàn ông Trung Quốc, anh không biết tên tuổi địa chỉ của người này, sau đó chính người Trung Quốc đưa những người trên và anh vào trong công ty làm việc cùng nhau trong đặc khu Tam giác vàng, người Trung Quốc này làm chủ và quản lý (tên công ty A1 không biết) làm về hoạt động lừa đảo trên không gian mạng. Làm việc ở đó 05 tháng đến cuối tháng 12/2023, anh D cùng Lò Quốc A, Lò Hồng T1 trốn ra khỏi đặc khu kinh tế đó và trở về Việt Nam. Anh Dũng không yêu cầu bị cáo Lò Văn N phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị S trình bày tại Cơ quan điều tra: vào khoảng 19 giờ ngày 13/8/2023, khi bà đang ở cửa hàng V tại tổ C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì có một nam thanh niên khoảng 25 tuổi đến cửa hàng muốn đổi Nhân dân tệ sang tiền Việt Nam. Bà nói 10.000

nhân dân tệ đổi được 32.000.000 đồng tiền Việt Nam, nam thanh niên đó đồng ý và đưa cho bà 10.000 Nhân dân tệ và đọc số tài khoản V3 9338883*** mang tên Lò Văn N cho bà để bà chuyển khoản. Bà dùng số tài khoản B1 của bà chuyển cho nam thanh niên đó số tiền 32.000.000 đồng, chuyển tiền xong nam thanh niên đó đi về, ngoài lần đổi tiền trên nam thanh niên đó còn đến cửa hàng của bà đổi tiền một số lần khác nhưng bà không nhớ cụ thể.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị M trình bày tại Cơ quan điều tra: bà với N chỉ quen biết nhau ngoài xã hội, trong khoảng thời gian bà sinh sống tại Lào từ năm 2010 đến cuối tháng 01 năm 2024 thì Lò Văn N có thỉnh thoảng đi từ Việt Nam sang Lào và đến quán Spa massage của bà tại khách sạn D1, thành phố U, tỉnh Udomxay chơi và ngủ nghỉ. Vào khoảng tháng 4/2023, N có đưa Lò Văn T10 và Lò Văn Q sang Lào, nhờ bà đưa Q lên đặc khu kinh tế tam giác vàng cùng với N và T10. Sau đó ở nhà nghỉ gần đặc khu kinh tế tam giác vàng, N có liên hệ với một người đàn ông tên P người Trung Quốc đến bà có phiên dịch lại nội dung cuộc nói chuyện cụ thể là để đưa T10 và Q vào đặc khu tam giác vàng để làm việc, còn việc gì thì bà không được biết. Bà và Đào T11 chung sống như vợ chồng và có 01 con chung, việc T có liên hệ người đàn ông Trung Quốc tên P đó không thì bà không biết. Việc N đưa T10 và Q đến đặc khu kinh tế tam giác vàng làm gì bà không biết.

Người làm chứng ông Lò Văn B trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: ông là bố đẻ của bị hại anh Lò Văn T4. Từ khoảng tháng 8/2023 đến tháng 9/2023, T4 đi cùng em họ bên vợ (Lò Văn N) sang Lào làm việc, cụ thể việc gì thì T4 không nói cho ông biết. T4 ở bên Lào cũng không gọi điện về cho vợ hay gia đình, ông không biết T4 sang làm việc với ai. Do ông nội của T4 bị bệnh nặng nên ông và gia đình vào T4 về Việt Nam dự đám tang của ông nội, sau đó thì T4 không sang Lào nữa. Hiện tại T4 và vợ đi làm thuê ở Hải Dương, ông không liên lạc được với Lò Văn T4.

Người làm chứng bà Lò Thị T6 trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: bà là mẹ của bị hại chị Lò Thị N1; khoảng tháng 10 năm 2023, Lò Thị N1 đang làm thuê dưới Hà Nội về nói chuyện với bà là có anh N con của chị gái ruột của bà rủ sang Lào làm ở công ty G với lương từ 14 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng, nghe con gái nói vậy bà đồng ý cho đi, N1 và Quàng Thị H được N đi làm hộ chiếu cho. Cuối tháng 10/2023, N đưa N1 và H sang Lào. Khi N1 sang thì có gọi điện cho bà bảo bị anh N lừa sang làm công ty lừa đảo của người Trung Quốc cùng nhiều người khác trong đó có cả H và bảo là không làm được, bảo bà vay mượn tiền để nộp cho công ty lấy hộ chiếu về Việt Nam. Bà đã chuyển khoản cho N1 số tiền 70 triệu đồng, 02 đến 03 ngày sau thì N1 được về Việt Nam.

Người làm chứng bà Lò Thị T7 trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: bà là mẹ của bị hại chị Quàng Thị H; khoảng tháng 10 năm 2023, H có về nói chuyện với bà là có anh N nhà ở T, Điện Biên rủ sang Lào làm ở công ty G với lương từ 14 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng. Chị N1 và Quàng Thị H được N đi làm hộ chiếu cho. Cuối tháng 10/2023, N đưa N1 và H sang Lào. Làm

được khoảng 02 tuần thì H gọi điện cho bà bảo bị anh N lừa sang làm công ty lừa đảo của người Trung Quốc cùng nhiều người khác trong đó có cả N1 và bảo là không làm được, bảo bà đưa tiền để nộp cho công ty lấy hộ chiếu về Việt Nam. Bà đã chuyển khoản cho H số tiền 70 triệu đồng, 02 đến 03 ngày sau thì H được về Việt Nam.

Người làm chứng ông Lò Mai S1 trình bày tại Cơ quan điều tra: ông là bố đẻ của bị hại anh Lò Khun C; khoảng cuối tháng 01/2024, C về nhà kể với ông là bị anh N con bác T nhà ở bản S, xã T, huyện Đ lừa bán sang Lào làm việc lừa đảo cho người Trung Quốc, C nói không làm được nên về nhà và không được tiền mang về, lúc đó ông mới biết Chương sang Lào làm việc, còn công việc cụ thể thì ông không biết và C cũng không nói cho ông biết. Từ khi về Việt Nam C nói với ông là đi làm thuê, còn làm gì ở đâu C không nói với ông, C đi làm cũng không liên lạc gì với ông.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn N thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và Tòa án xét xử là đúng người, đúng tội không oan sai; công nhận lời khai của các bị hại và lời khai của người làm chứng là đúng.

Trong phần tranh luận: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lò Quốc A, Lò Hồng T1, Lò Văn T2, Lương Văn D là Luật sư ông Tạ Ngọc V đề nghị: đồng thuận với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng nhất với ý kiến của các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo, các bị hại không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tội danh cũng như hình phạt; các bị hại Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lò Quốc A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi các bị hại cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: các bị hại Lò Văn T4, Phùng Đình T5, Lò Thị N1, Quảng Thị H, Lò Khun C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị S, Lò Thị M; Người làm chứng Lò Mai S1 đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Các bị hại anh Lò Văn T4, anh Phùng Đình T5 có đơn xin xét xử vắng mặt; các bị hại chị Lò Thị N1, chị Quảng Thị H, anh Lò Khun C không có mặt tại địa phương và không biết địa chỉ cư trú hiện nay ở đâu; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Dương Thị S, bà Lò Thị M vắng mặt không có lý do; người làm chứng ông Lò Mai S1 vắng mặt có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người có tên trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và họ

đã có lời khai tại cơ quan điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt họ đều có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về sự vắng mặt của Kiểm sát viên: tại phiên tòa Kiểm sát viên **Nguyễn Hữu Sơn** vắng mặt vì lý do công tác, tuy nhiên Kiểm sát viên **Nhữ Thị Thanh Nhân** có mặt, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Bị cáo Lò Văn Ngoan cố ý đưa ra thông tin giả sang Lào làm công ty game cho bị cáo với mức lương từ 15 triệu đồng đến 18 triệu đồng/tháng. Sau đó, nhiều lần lừa gạt đưa các bị hại sang Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng do người Trung Quốc quản lý thuộc tỉnh Bò Kẹo, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và chuyển giao cho các đối tượng người Trung Quốc để nhận tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, thể hiện:

Lần thứ nhất: ngày 11/4/2023, bị cáo N đưa anh Lò Hồng T1 xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế T, tỉnh Điện Biên sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; ngày 15/4/2023, bị cáo thông qua anh T1 rủ rê, lôi kéo anh Lò Văn Q xuất cảnh sang Lào, ngày 28/4/2023, bị cáo chuyển giao anh T1 và anh Q cho đối tượng người Trung Quốc tên P ở Đặc khu kinh tế T thuộc tỉnh Bò Kẹo, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nhận được 5.000 Nhân dân tệ, tương đương với 17.133.450 đồng (*Mười bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*) theo tỷ giá tại thời điểm đó

Lần thứ hai: ngày 08 tháng 8 năm 2023, bị cáo Lò Văn N đưa các anh Lò Văn T2, Lò Văn T4, Lường Văn D, Lò Quốc A xuất cảnh qua cửa khẩu T, tỉnh Điện Biên đến Đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào. Tại đây, bị cáo Lò Văn N chuyển giao anh T2, anh T4 cho người đàn ông Trung Quốc tên P nhận được số tiền 14.000 (*Mười bốn nghìn*) Nhân dân tệ. Sau đó, bị cáo N chuyển giao anh D, anh Quốc A cho một người đàn ông người Trung Quốc khác (người này do P giới thiệu, N không biết tên, tuổi, địa chỉ), người đàn ông này trả cho bị cáo N 5.000 (*Năm nghìn*) Nhân dân tệ đối với anh D, còn anh Quốc A do chưa đủ 18 tuổi nên hai bên thỏa thuận: khi nào anh Quốc A làm được việc thì sẽ trả tiền sau (cho đến khi bị bắt bị cáo N chưa nhận được khoản tiền này). Tổng số tiền bị cáo N nhận được từ chuyển giao 3 người anh T2, anh T4 và anh D là 19.000 (*Mười chín nghìn*) Nhân dân tệ, tương đương với 62.887.150 đồng (*Sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng*) theo tỷ giá thời điểm đó.

Lần thứ ba: bằng thủ đoạn tương tự như lần 1 và 2, ngày 19 tháng 10 năm 2023, bị cáo Lò Văn N trực tiếp đưa chị Quảng Thị H, chị Lò Thị N1, anh Phùng Đình T5 xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế T, tỉnh Điện Biên đến Đặc khu

kinh tế Tam Giác vàng thuộc tỉnh Bò Keo, Lào. Tại đây, bị cáo N chuyển giao chị H, chị N1, anh T5 cho P và nhận được 15.000 (Mười lăm nghìn) Nhân dân tệ, tương đương với 49.479.750 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo tỷ giá thời điểm đó.

Lần thứ tư: cũng với thủ đoạn tương tự như những lần trước, ngày 24/11/2023, bị cáo Lò Văn N đưa anh Lò Khun C, sinh năm 2007 sang Lào để chuyển giao cho P. Bị cáo N thống nhất với P: do C chưa đủ 18 tuổi nên cứ cho thử việc trước nếu làm được thì mới trả tiền, còn không thì P để cho C tự về và bị cáo N sẽ không lấy tiền. Sau khi anh C sang làm việc được khoảng 02 tuần thì anh C bảo với bị cáo không muốn làm việc ở Lào nữa; sau khi được P trả hộ chiếu anh C tự bắt xe khách về Việt Nam, N không được hưởng lợi gì từ việc này.

Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của các bị hại Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lường Văn D, Lò Quốc A, Lò Văn T2, Phùng Đình T5 (137-144; 151-157; 162-174; 175-187; 188-195; 217-220); Đơn tố giác tội phạm (BL 01-02); kết luận giám định (BL 26-27); Biên bản xác minh lịch sử xuất nhập cảnh của Lò Văn N, Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lường Văn D, Lò Quốc A, Lò Văn T2, Phùng Đình T5, Lò Văn T4, Quảng Thị H, Lò Thị N1, Lò Khun C (BL 34-58); biên bản ghi lời khai của người làm chứng Lò Văn B, Lò Thị T6, Lò Thị T7, Lò Mai S1; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Thị S, Lò Thị M và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Mặc dù quá trình điều tra không lấy được lời khai của anh Lò Văn T4, chị Lò Thị N1, chị Quảng Thị H và anh Lò Khun C do không có mặt tại địa phương và không rõ địa chỉ mới, nhưng căn cứ lời khai của anh Lò Văn T2, Lường Văn D, Lò Quốc A, Phùng Đình T5 phù hợp với chính lời khai của bị cáo N, phù hợp với lịch sử xuất, nhập cảnh của anh T4, chị H, chị N1, anh C. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2023, bị cáo Lò Văn N đã có hành vi đưa các anh Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lường Văn D, Lò Văn T2, Phùng Đình T5, Lò Văn T4 và các chị Quảng Thị H, Lò Thị N1, ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chuyển giao cho một người khác để nhận 39.000 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) tương đương 129.500.350 đồng (tiền Việt Nam); bị cáo cũng có hành vi đưa anh Lò Quốc A, anh Lò Khun C ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chuyển giao để nhận tiền, bị cáo chưa nhận được tiền là do bị cáo và người nhận chuyển giao thỏa thuận sẽ trả sau. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người”, với tổng số người bị cáo chuyển giao là 10 người bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 29/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn N về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng. Việc mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che giấu dưới vỏ bọc thuê làm việc; lợi dụng sự tin tưởng của họ hàng, bạn bè để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội và sự bất bình trong Nhân dân.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Bị cáo Lò Văn N sinh ra và cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; bản thân được gia đình tạo điều kiện cho đi học hết lớp 10/12. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân. Bị cáo chưa có tiền sự; chưa có tiền án. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa các bị hại Lò Văn T2, Lò Hồng T1, Lò Quốc A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 04 lần phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Lò Văn N hình phạt tù thật nghiêm khắc để răn đe và giáo dục bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, đề nghị của các bị hại và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lò Quốc A, Lò Hồng T1, Lò Văn T2, Lương Văn D về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo:

Đối với số tiền 39.000 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) tương đương 129.500.350 đồng (tiền Việt Nam), bị cáo đã nhận được từ việc chuyển giao các bị hại, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối tượng tên P và 01 đối tượng nam giới người Trung Quốc, đối tượng

tên T theo lời khai của bị cáo là người đã nhận chuyển giao các bị hại, do không đủ thông tin để Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh làm rõ, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lò Thị M là người giúp bị cáo Lò Văn N đưa bị hại Lò Văn Q từ tỉnh Udonxay đến Đặc khu kinh tế tam giác vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào. Tuy nhiên, M không biết việc bị cáo N đưa Q sang Lào để bán lấy tiền, không được lợi ích gì từ việc này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đặt vấn đề xem xét xử lý.

Đối với Lò Văn T12 là người cùng Lò Văn N đưa Lương Văn D, Lò Văn T2, Lò Quốc A, Lò Văn T4 sang Lào: Cơ quan điều tra phối hợp với Công an xã T, huyện Đ tiến hành xác minh, xác định Lò Văn T12 vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ đi đâu làm gì, nên không tiến hành các biện pháp điều tra đối với Lò Văn T12 được, Hội đồng xét xử sơ thẩm không đề cập xem xét trong vụ án này.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại Lò Hồng T1, Lương Văn D, Lò Văn T2, Phùng Đình T5 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bị hại Lò Văn T4, Quảng Thị H, Lò Thị N1, Lò Khun C không có mặt tại địa phương, không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa; riêng bị hại Lò Văn T4, có gửi đơn trình bày ý kiến cho Hội đồng xét xử và yêu cầu bị cáo N phải bồi thường tổn thất về tinh thần, nhưng không nêu rõ yêu cầu bao nhiêu tiền, bao gồm những khoản tiền gì; do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần tách phần dân sự của các bị hại Lò Văn T4, Quảng Thị H, Lò Thị N1, Lò Khun C để giải quyết sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[10] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, số IMEI 353809089609***, lắp sim của nhà mạng Viettel trên mặt sim có in số 8984048000389727***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, số IMEI 353910103125***, lắp sim của nhà mạng unitel, trên mặt sim có in số 8945703002134088***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N. Quá trình tố tụng đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Lò Văn N, bị cáo đã sử dụng các điện thoại trên vào việc phạm tội, vì vậy, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen, số IMEI 358708094455***, lắp sim của nhà mạng Viettel, trên mặt sim có in số 8984048000062588***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N. Đã làm rõ không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo N.

[11] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lò Quốc A, Lò Hồng T1, Lò Văn T2, Lường Văn D và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lò Văn N phạm tội Mua bán người.
- Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2024.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự: các bị hại Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lò Văn T2, Lò Quốc A, Phùng Đình T5, Lường Văn D không yêu cầu bị cáo Lò Văn N phải bồi thường thiệt hại.

Áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự tách phần dân sự của các bị hại Lò Văn T4, Quảng Thị H, Lò Thị N1, Lò Khun C để giải quyết sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

3. Về tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lò Văn N phải nộp 129.500.350 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn ba trăm năm mươi đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

*** Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước các vật sau:**

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, số IMEI 353809089609***, lắp sim của nhà mạng Viettel trên mặt sim có in số

8984048000389727***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N, được cho vào một phong bì màu trắng dán kín các mép, mặt trước phong bì có ghi dòng chữ: “Hoàn lại mẫu vật gửi giám định 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ của Lò Văn N, niêm phong ngày 19/5/2024 tại Phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên”, mặt sau được dán kín các mép, trên mép dán có chữ ký của Đỗ Nam S3, Quảng Văn T13 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, số IMEI 353910103125***, lắp sim của nhà mạng unitel, trên mặt sim có in số 8945703002134088***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N, được cho vào một phong bì màu trắng dán kín các mép, mặt trước phong bì có ghi dòng chữ: “Hoàn lại mẫu vật gửi giám định 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, của Lò Văn N, niêm phong ngày 19/5/2024 tại Phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên”, mặt sau được dán kín các mép, trên mép dán có chữ ký của Đỗ Nam S3, Quảng Văn T13 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự.

*** Trả lại cho bị cáo Lò Văn N:** 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen, số IMEI 358708094455***, lắp sim của nhà mạng Viettel, trên mặt sim có in số 8984048000062588***, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Văn N, được cho vào một phong bì màu trắng dán kín các mép, mặt trước phong bì có ghi dòng chữ: “Hoàn lại mẫu vật gửi giám định 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen, của Lò Văn N, niêm phong ngày 19/5/2024 tại Phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên”, mặt sau được dán kín các mép, trên mép dán có chữ ký của Đỗ Nam S3, Quảng Văn T13 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 30 tháng 7 năm 2024).

5. Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, các bị hại Lò Hồng T1, Lò Văn Q, Lường Văn D, Lò Văn T2, Lò Quốc A, bà Lò Thị T3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lò Quốc A được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại Lò Quốc A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Dương Thị S, bà Lò Thị M có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Các bị hại Lò Văn T4, Quảng Thị H, Lò Thị

N1, Lò Khun C và Người đại diện hợp pháp, Phùng Đình T5 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo; các Bị hại và Người đại diện hợp pháp, Người có QLNVLQ;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Cục thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa